

Số: 440 /2026/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam
Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Quý Sở Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS -Tháng 3/2026 như sau:

- Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HSX tháng 3/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	AAA	ABT	TAL	AAA
2	ABT	ADP		ACB
3	ACB	HCD		ACC
4	ACC	ICT		ACG
5	ACG	SSC		ACL
6	ACL	VSI		ADS
7	ADP			AGG
8	ADS			AGR
9	AGG			ANV
10	AGR			APG
11	ANV			ASM
12	APG			AST
13	ASM			BAF
14	AST			BCM
15	BAF			BFC
16	BCM			BHN
17	BFC			BIC
18	BHN			BID
19	BIC			BKG
20	BID			BMC
21	BKG			BMI
22	BMC			BMP
23	BMI			BRC
24	BMP			BSI
25	BRC			BSR

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
26	BSI			BTP
27	BSR			BVH
28	BTP			BWE
29	BVH			CCL
30	BWE			CDC
31	CCL			CHP
32	CDC			CII
33	CHP			CKG
34	CII			CLC
35	CKG			CLL
36	CLC			CMG
37	CLL			CNG
38	CMG			CRC
39	CNG			CSM
40	CRC			CSV
41	CSM			CTD
42	CSV			CTF
43	CTD			CTG
44	CTF			CTI
45	CTG			CTR
46	CTI			CTS
47	CTR			CVT
48	CTS			D2D
49	CVT			DBC
50	D2D			DBD
51	DBC			DC4
52	DBD			DCL
53	DC4			DCM
54	DCL			DGC
55	DCM			DGW
56	DGC			DHA
57	DGW			DHC
58	DHA			DHG
59	DHC			DIG
60	DHG			DMC
61	DIG			DPG
62	DMC			DPM
63	DPG			DPR
64	DPM			DRC
65	DPR			DRL
66	DRC			DSE
67	DRL			DSN
68	DSE			DVP
69	DSN			DXG
70	DVP			DXS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
71	DXG			EIB
72	DXS			ELC
73	EIB			EVF
74	ELC			EVG
75	EVF			FCN
76	EVG			FIR
77	FCN			FIT
78	FIR			FMC
79	FIT			FPT
80	FMC			FRT
81	FPT			FTS
82	FRT			GAS
83	FTS			GEE
84	GAS			GEG
85	GEE			GEX
86	GEG			GMD
87	GEX			GSP
88	GMD			GVR
89	GSP			HAG
90	GVR			HAH
91	HAG			HAR
92	HAH			HAX
93	HAR			HCM
94	HAX			HDB
95	HCD			HDC
96	HCM			HDG
97	HDB			HHP
98	HDC			HHS
99	HDG			HHV
100	HHP			HII
101	HHS			HMC
102	HHV			HPG
103	HII			HPX
104	HMC			HQC
105	HPG			HSG
106	HPX			HSL
107	HQC			HT1
108	HSG			HTG
109	HSL			HTI
110	HT1			HTN
111	HTG			HUB
112	HTI			HVH
113	HTN			IDI
114	HUB			IJC
115	HVH			ILB

P: 66
 CÔNG
 CỐ
 HỮNG
 SÀI
 HẢ
 4 NAI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
116	ICT			IMP
117	IDI			ITC
118	IJC			KBC
119	ILB			KDC
120	IMP			KDH
121	ITC			KHG
122	KBC			KHP
123	KDC			KOS
124	KDH			KSB
125	KHG			LBM
126	KHP			LCG
127	KOS			LHG
128	KSB			LIX
129	LBM			LPB
130	LCG			LSS
131	LHG			MBB
132	LIX			MCM
133	LPB			MIG
134	LSS			MSB
135	MBB			MSH
136	MCM			MSN
137	MIG			MWG
138	MSB			NAB
139	MSH			NAF
140	MSN			NBB
141	MWG			NCT
142	NAB			NHA
143	NAF			NHH
144	NBB			NKG
145	NCT			NLG
146	NHA			NNC
147	NHH			NT2
148	NKG			NTL
149	NLG			OCB
150	NNC			OPC
151	NT2			ORS
152	NTL			PAC
153	OCB			PAN
154	OPC			PC1
155	ORS			PDN
156	PAC			PDR
157	PAN			PET
158	PC1			PGC
159	PDN			PGD
160	PDR			PGI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
161	PET			PHC
162	PGC			PHR
163	PGD			PLP
164	PGI			PLX
165	PHC			PNJ
166	PHR			POW
167	PLP			PPC
168	PLX			PTB
169	PNJ			PVD
170	POW			PVP
171	PPC			PVT
172	PTB			QCG
173	PVD			RAL
174	PVP			REE
175	PVT			SAB
176	QCG			SAM
177	RAL			SBA
178	REE			SBT
179	SAB			SCR
180	SAM			SCS
181	SBA			SGN
182	SBT			SGR
183	SCR			SHB
184	SCS			SHI
185	SGN			SHP
186	SGR			SIP
187	SHB			SJD
188	SHI			SJS
189	SHP			SKG
190	SIP			SMB
191	SJD			SRC
192	SJS			SSB
193	SKG			SSI
194	SMB			ST8
195	SRC			STB
196	SSB			STK
197	SSC			SZC
198	SSI			SZL
199	ST8			TAL
200	STB			TBC
201	STK			TCB
202	SZC			TCH
203	SZL			TCI
204	TBC			TCL
205	TCB			TCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
206	TCH			TCO
207	TCI			TCT
208	TCL			TDC
209	TCM			TDM
210	TCO			TDP
211	TCT			TEG
212	TDC			THG
213	TDM			TIP
214	TDP			TLD
215	TEG			TLG
216	THG			TMP
217	TIP			TMS
218	TLD			TNC
219	TLG			TNT
220	TMP			TPB
221	TMS			TRA
222	TNC			TRC
223	TNT			TTA
224	TPB			TV2
225	TRA			TVB
226	TRC			TVS
227	TTA			VAB
228	TV2			VCB
229	TVB			VCG
230	TVS			VCI
231	VAB			VDP
232	VCB			VDS
233	VCG			VFG
234	VCI			VGC
235	VDP			VHC
236	VDS			VHM
237	VFG			VIB
238	VGC			VIC
239	VHC			VIP
240	VHM			VIX
241	VIB			VJC
242	VIC			VND
243	VIP			VNL
244	VIX			VNM
245	VJC			VPB
246	VND			VPI
247	VNL			VPL
248	VNM			VRC
249	VPB			VRE
250	VPI			VSC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
251	VPL			VTP
252	VRC			YEG
253	VRE			
254	VSC			
255	VSI			
256	VTP			
257	YEG			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ Sàn HNX tháng 3/2026:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
1	BAB	EID	TIG	BAB
2	BAX	HAT		BAX
3	BCF	HCC		BCF
4	BVS			BVS
5	CAP			CAP
6	CDN			CDN
7	CEO			CEO
8	CLH			CLH
9	CTB			CTB
10	DHT			DHT
11	DNP			DNP
12	DP3			DP3
13	DTD			DTD
14	DVM			DVM
15	DXP			DXP
16	EID			EVS
17	EVS			GIC
18	GIC			GMX
19	GMX			HJS
20	HAT			HLC
21	HCC			HMR
22	HJS			HUT
23	HLC			HVT
24	HMR			IDC
25	HUT			IDV
26	HVT			INN
27	IDC			IPA
28	IDV			L40
29	INN			LAS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
30	IPA			LHC
31	L40			LIG
32	LAS			MAC
33	LHC			MBG
34	LIG			MBS
35	MAC			MDC
36	MBG			MST
37	MBS			MVB
38	MDC			NAG
39	MST			NBC
40	MVB			NDN
41	NAG			NET
42	NBC			NFC
43	NDN			NTH
44	NET			NTP
45	NFC			PBP
46	NTH			PCE
47	NTP			PCH
48	PBP			PGS
49	PCE			PLC
50	PCH			PMC
51	PGS			PPT
52	PLC			PSD
53	PMC			PSI
54	PPT			PSW
55	PSD			PVB
56	PSI			PVC
57	PSW			PVG
58	PVB			PVI
59	PVC			PVS
60	PVG			S99
61	PVI			SGC
62	PVS			SLS
63	S99			SZB
64	SGC			TA9
65	SLS			TDT
66	SZB			TIG
67	TA9			TMB
68	TDT			TNG
69	TMB			TPP
70	TNG			TTT
71	TPP			TV4
72	TTT			TVC
73	TV4			TVD
74	TVC			VBC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục trong tháng	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục trong tháng	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng
75	TVD			VC3
76	VBC			VC7
77	VC3			VCS
78	VC7			VFS
79	VCS			VGS
80	VFS			VHE
81	VGS			VNF
82	VHE			VNR
83	VNF			VTZ
84	VNR			WCS
85	VTZ			
86	WCS			

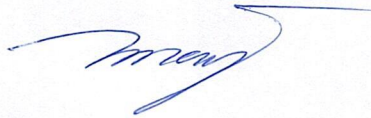
Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 3/2026 là:

<https://www.shs.com.vn/thong-bao/shs-danh-muc-chung-khoan-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-thang-32026>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

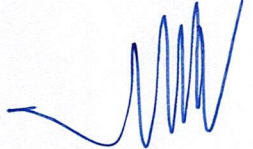
Trân trọng kính báo cáo Quý Sở được biết.

Người lập



Trần Hồng Mây

Kiểm soát



Lê Thị Hoài Thu



TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Linh

